

Số: **28** /BC-UBND

Bỉm Sơn, ngày **30** tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

Tổng kết triển khai, thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 310/SNV-XDCQ ngày 13/3/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo tổng kết triển khai thực hiện Nghị định số 92/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 05/12/2011 và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ. UBND Thị xã đã triển khai thực hiện và tổng hợp kết quả báo cáo nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ ĐỊNH:

1. Khát quát đặc điểm, tình hình của địa phương:

a) *Về đặc điểm tự nhiên, diện tích và dân số:* Thị xã Bỉm Sơn phía Bắc giáp thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; Phía Đông giáp huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình và huyện Hà Trung, Thanh Hóa; Phía Nam giáp huyện Hà Trung, Thanh Hóa; phía Tây giáp huyện Hà Trung, Thanh Hóa.

- Diện tích tự nhiên 66,285 km², Vùng đồi núi có diện tích 50,97 km², chiếm 76,3%. Vùng đồng bằng có diện tích 15,19 km², chiếm 23,7%. Dân số 57135 người; quy mô về diện tích và dân số từng xã phường phân bố không đồng đều: phường Bắc Sơn diện tích 16,63km², dân số 8206 người; phường Ngọc Trạo diện tích 2,75 km², dân số 7744 người; Phú Sơn diện tích 2,71 km², dân số: 5757 người; xã Quang Trung diện tích 7,08 km², dân số: 4528 người; phường Ba Đình diện tích 8,63 km², dân số: 10994 người; phường Lam Sơn diện tích 4,90 km², dân số: 8189 người; phường Đông Sơn diện tích 17,36 km², dân số: 8507 người; xã Hà Lan diện tích 6,22 km², dân số: 3210 người;

b) *Số đơn vị hành chính cấp thị, cấp xã:*

- Thị xã Bỉm Sơn có 01 đơn vị hành chính cấp huyện, 08 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: 07 xã phường loại II (gồm các phường Bắc Sơn, Phú Sơn, Ba Đình, Lam Sơn, Đông Sơn, xã Quang Trung); 01 xã Hà Lan loại III.

c) *Tổng số thôn khu phố hiện có:* 65 thôn, khu phố; trong đó có: 10 thôn và 55 khu phố;

2. Đối với Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP

2.1. Đối với cán bộ, công chức xã

a) *Về chức vụ, chức danh, số lượng cán bộ, công chức cấp xã*

Bảo hiểm xã hội đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, tạo tâm lí an tâm phấn khởi hơn đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở.

b) Những hạn chế, bất cập:

- Về hưởng phụ cấp phân loại xã, các xã phường phản ánh trong cùng môi trường làm việc cán bộ được hưởng phụ cấp phân loại xã 5%, nhưng công chức không được hưởng phụ cấp phân loại xã 5% là chưa thực sự hợp lý.

- Việc quy định “Không bố trí chức danh Khuyến nông viên và Thú y đối với phường” là chưa hợp lý. Vì thực tế cho thấy nhiều đơn vị phường vẫn phát triển kinh tế lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt nên rất cần có cán bộ Khuyến nông, cán bộ Thú y;

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã hưởng sinh hoạt phí quy định không quá 1,0 mức lương tối thiểu chung như hiện nay là quá thấp.

- Về xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp xã chưa có quy định pháp lý cụ thể, đang phải áp dụng quy định chung, nên gây khó khăn trong công tác thực hiện xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã;

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

- Đề nghị xem xét để công chức được hưởng phụ cấp phân loại xã 5% .

- Đề nghị bố trí chức danh Khuyến nông viên và Thú y đối với phường.

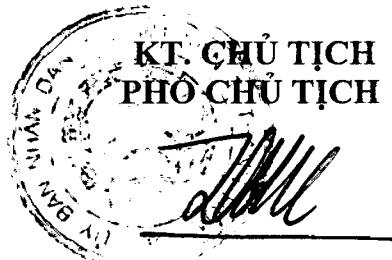
- Đề nghị nâng mức phụ cấp hàng tháng đối với Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, cấp thôn, để người hoạt động không chuyên trách phát huy tốt hơn tinh thần, trách nhiệm trong chức trách, nhiệm vụ được giao;

- Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nhằm bổ sung kỹ năng, nghiệp vụ cần thiết cho các chức danh đang công tác ở Khu phố, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tốt hơn.

Ủy ban nhân dân thị xã Bim Sơn báo cáo đề Sở Nội vụ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV.



Mai Đình Lâm

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2017

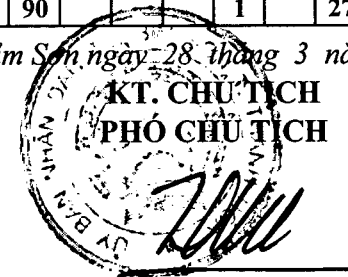
TT	Đơn vị (xã, phường)	Số lượng	Trong đó			Trình độ đào tạo																							CB, CC luân chuyển từ cấp					
			Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Dân tộc thiểu số	Chuyên môn nghiệp vụ					Học văn PT		Chính trị			Tin học			Ngoại ngữ			QLNN												
						Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và chưa qua đào tạo	THPT	THCS	Tiểu học	Cao cấp	Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Chưa qua đào tạo	Tiếng anh		Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ tiếng dân tộc	Qua đào tạo							
																							ĐH trở lên	Chứng chỉ (A, B, C)	Đh trở lên		Chứng chỉ (A, B, C)	CVC và TD		CV và TD	TC	Chưa qua đào tạo	Cán bộ	Công chức
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
1	Phường Bắc Sơn	20	10	10				17	2	1		20			1		14		5		18	2		9										
2	Phường Ngọc Trạo	20	10	10				17	1	2		20			1		10	2	7		17	3		16					6					
3	Phường Phú Sơn	20	10	10				13	1	6		20			1		14		5		14	6		1						1	19	1		
4	Xã Quang Trung	20	10	10				14	1	4	1	20					15		5		19	1		19					4	16				
5	Phường Ba Đình	20	10	10			1	15	2	2		20			2		17	1			15	5		10			1		12		1			
6	Phường Lam Sơn	19	10	9				15	2	2		19					14		5		17	2		15										
7	Phường Đông Sơn	19	10	9			1	13	1	4		19					18	1			15	4		1							1			
8	Xã Hà Lan	20	10	10				14	1	4	1	20					15		5		19	1		19					4	16				
	Tổng	158	80	78			2	118	11	25	2	158			5		117	4	32		134	24		90			1		27	51	3			

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Văn Thành

Bim Sơn ngày 28 tháng 3 năm 2017



Mai Đình Lâm

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NĂM 2017

TT	Đơn vị (xã, phường)	Số lượng	Trong đó			Trình độ đào tạo														Hệ số phụ cấp hàng tháng (tính theo mức lương cơ sở)				
			Người HDKCT cấp xã (quy định tại các ND và QĐ của CP, TTg CP)	Người HDKCT ở cấp xã (được quy định tại các quy định khác)	Dân tộc thiểu số	Chuyên môn nghiệp vụ					Học vấn phổ thông			Chính trị				Tin học			Người HDKCT cấp xã (quy định tại các ND và QĐ của CP, TTg CP)		Người HDKCT ở cấp xã (được quy định tại các quy định khác)	
						Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và chưa qua đào tạo	THPT	THCS	Tiểu học	Cao cấp	Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp và chưa qua đào tạo	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Chưa qua đào tạo	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1	Phường Bắc Sơn	13	13				9		4		13	0		1		6	6		11		1,0	0,7		
2	Phường Ngọc Trạo	16	16				13	1	2	1	16	0				7					1,0	0,7		
3	Phường Phú Sơn	10	10				6	2	2		10	0				3	7	1		9	1,0	0,7		
4	Xã Quang Trung	12	12				6	2	6		17	1				12			15	2	1,0	0,7		
5	Phường Ba Đình	15	15				9	3	3		15	0				8			2		1,0	0,7		
6	Phường Lam Sơn	15	15				10	4			14	0				4			13		1,0	0,7		
7	Phường Đông Sơn	13	13				6	2	4	1	13	0				7					1,0	0,7		
8	Xã Hà Lan	12	12				6	2	6	0	17	1				12			15	2	1,0	0,7		
	Tổng cộng	106	106	0	0	0	65	16	27	2	115	2	0	1	0	59	13	1	56	13				

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Văn Thành

Bim Sơn ngày 28 tháng 3 năm 2017

KT: CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

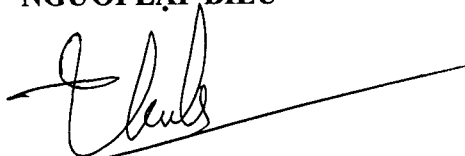


Mai Đình Lâm

	Tổng																				
III	Phường Phú Sơn	30	30					9	21	14	16				3	27					
1	Khu phố 1	5	5					2	3	2	3					5				0,9	0,3
2	Khu phố 2	5	5					1	4	2	3				1	4				0,9	0,3
3	Khu phố 3	5	5					3	2	3	2				1	4				0,9	0,3
4	Khu phố 4	5	5						5	2	3					5				0,9	0,3
5	Khu phố 5	5	5					2	3	2	3				1	4				0,9	0,3
6	Khu phố 6	5	5					1	4	3	2					5				0,9	0,3
IV	Xã Quang Trung	30	30					5	25	14	16				3	27					
1	Thôn 1	5	5					0	5	2	3					5				0,9	0,3
2	Thôn 2	5	5					1	4	2	3				1	4				0,9	0,3
3	Thôn 3	5	5					2	3	3	2				1	4				0,9	0,3
4	Thôn 4	5	5						5	2	3					5				0,9	0,3
5	Thôn 5	5	5					1	4	2	3				1	4				0,9	0,3
6	Thôn 6	5	5					1	4	3	2					5				0,9	0,3
V	Phường Ba Đình	66	66					48	18	60	6				1	65					
1	Khu phố 1	6	6					5	1	6						6				0,9	0,3
2	Khu phố 2	6	6					5	1	5	1				1	5				0,9	0,3
3	Khu phố 3	6	6					5	1	6						6				0,9	0,3
4	Khu phố 4	6	6					3	3	5	1					6				0,9	0,3
5	Khu phố 5	6	6					4	2	6						6				0,9	0,3
6	Khu phố 6	6	6					4	2	5	1					6				0,9	0,3
7	Khu phố 7	6	6					4	2	5	1					6				0,9	0,3
8	Khu phố 8	6	6					4	2	6						6				0,9	0,3
9	Khu phố 9	6	6					5	1	6						6				0,9	0,3
10	Khu phố 10	6	6					4	2	5	1					6				0,9	0,3
11	Khu phố 11	6	6					5	1	5	1					6				0,9	0,3
VI	Phường Lam Sơn	42	42					28	14	38	4					42					
1	Khu phố 1	6	6					3	3	5	1					6				0,9	0,3
2	Khu phố 2	6	6					4	2	6						6				0,9	0,3
3	Khu phố 4	6	6					4	2	5	1					6				0,9	0,3
4	Khu phố 6	6	6					4	2	5	1					6				0,9	0,3
5	Khu phố 9	6	6					4	2	6						6				0,9	0,3
6	Thôn Cổ Đàm	6	6					5	1	6						6				0,9	0,3
7	Thôn Nghĩa Môn	6	6					4	2	5	1					6				0,9	0,3
VII	Phường Đông Sơn	54	54					33	21	45	5					54					
1	Khu phố 3	6	6					3	3	5	1					6				0,9	0,3
2	Khu phố 5	6	6					4	2	6						6				0,9	0,3
3	Khu phố 7	6	6					4	2	5	1					6				0,9	0,3
4	Khu phố 8	6	6					4	2	5	1					6				0,9	0,3
5	Xóm Sơn Nam	6	6					4	2	6						6				0,9	0,3

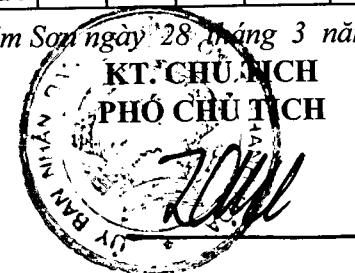
6	Xóm Đông Thôn	6	6						5	1	6						6			0,9	0,3
7	Xóm Trung Sơn	6	6						4	2	5	1					6			0,9	0,3
8	Xóm Sơn Tây	6	6						3	3	4						6			0,9	0,3
9	Xóm Trường Sơn	6	6						2	4	3	1					6			0,9	0,3
VIII	Xã Hà Lan	24	24						15	9	21	3					24				
1	Thôn Đoài Thôn	6	6						3	3	5	1					6			0,9	0,3
2	Thôn Điền Lư	6	6						4	2	6						6			0,9	0,3
3	Thôn Xuân Nội	6	6						4	2	5	1					6			0,9	0,3
4	Thôn Liên Giang	6	6						4	2	5	1					6			0,9	0,3
IX	THI XÃ BỈM SƠN																				
1	Phường Bắc Sơn	73	73					1	19	53	53	0					1	72		0,9	0,3
2	Phường Ngọc Trạo	60	60						14	46	39	21					7	3		0,9	0,3
3	Phường Phú Sơn	30	30						9	21	14	16					3	27		0,9	0,3
4	Xã Quang Trung	30	30						5	25	14	16					3	27		0,9	0,3
5	Phường Ba Đình	66	66						48	18	60	6					1	65		0,9	0,3
6	Phường Lam Sơn	42	42						28	14	38	4					42			0,9	0,3
7	Phường Đông Sơn	54	54						33	21	45	5					54			0,9	0,3
8	Xã Hà Lan	24	24						15	9	21	3					24			0,9	0,3
	Tổng cộng	379	379					1	171	207	284	71					15	314			

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Văn Thành

Bim Sơn ngày 28 tháng 3 năm 2017



Mai Đình Lâm